

Số: 20/CTCPG

Bình Định, ngày 10 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi :** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Giày Bình Định

- Mã chứng khoán: BDF
- Địa chỉ: 40 Tháp Đôi, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại liên hệ : 0256.3792492 Fax: 0256.3792654
- E-mail : infor@bdfc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Giày Bình Định.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/4/2019 tại đường dẫn [http://bdfc.com.vn/?page\\_id=556&lang=vi](http://bdfc.com.vn/?page_id=556&lang=vi)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2018

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Trần Văn Khiêm*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Tên Công ty/Name of Company: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY BÌNH ĐỊNH**

**Năm báo cáo/Year: 2018**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần Giày Bình Định
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 4100258761
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 15.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 15.500.000.000 đồng
- Địa chỉ/Address: 40 Tháp Đồi – P/ Đống Đa, TP/ Qui Nhơn – Tỉnh Bình Định
- Số điện thoại/ Telephone: 0256 3792492 – 0256 3791874
- Số fax/Fax: 0256 3792654
- Website: www.bdfc.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): BDF

**Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now). Tiền thân là một DNNN thực hiện lộ trình cổ phần hoá của Chính phủ ngày 3/8/2005 Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Định ra QĐ số :2125/QĐ – CTUBND về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Cty Giày Bình Định thành Cty cổ phần Giày Bình Định; Sau một thời gian chuẩn bị và hoàn thành đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, ngày 27/11/2005 tiến hành tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập Cty và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Cty cổ phần từ ngày 01/01/2006.

**- Các sự kiện khác/ Other events**

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/ Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 21/12/2005, và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18/5/2016 bao gồm :

- + Sản xuất Giày, Dép; sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Sản xuất các sản phẩm từ cao su.
- + Buôn bán tổng hợp : Xuất, nhập khẩu, mua bán nguyên vật liệu, hóa chất, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành giày da, may mặc và cao su. Kinh doanh các sản phẩm : cao su; bông; vải sợi; phụ liệu ngành may mặc và giày dép. Mua bán các sản phẩm từ nhựa và chất dẻo.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Kinh doanh bất động sản; kinh doanh trung tâm thương mại; kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ.
- + In ấn; dịch vụ liên quan đến in.
- + Giặt, tẩy và in, thêu trên các sản phẩm.
- + Sản xuất ba lô, túi xách, cặp da, ví da và hộp đựng kính đeo mắt.

- Địa bàn kinh doanh/ Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the

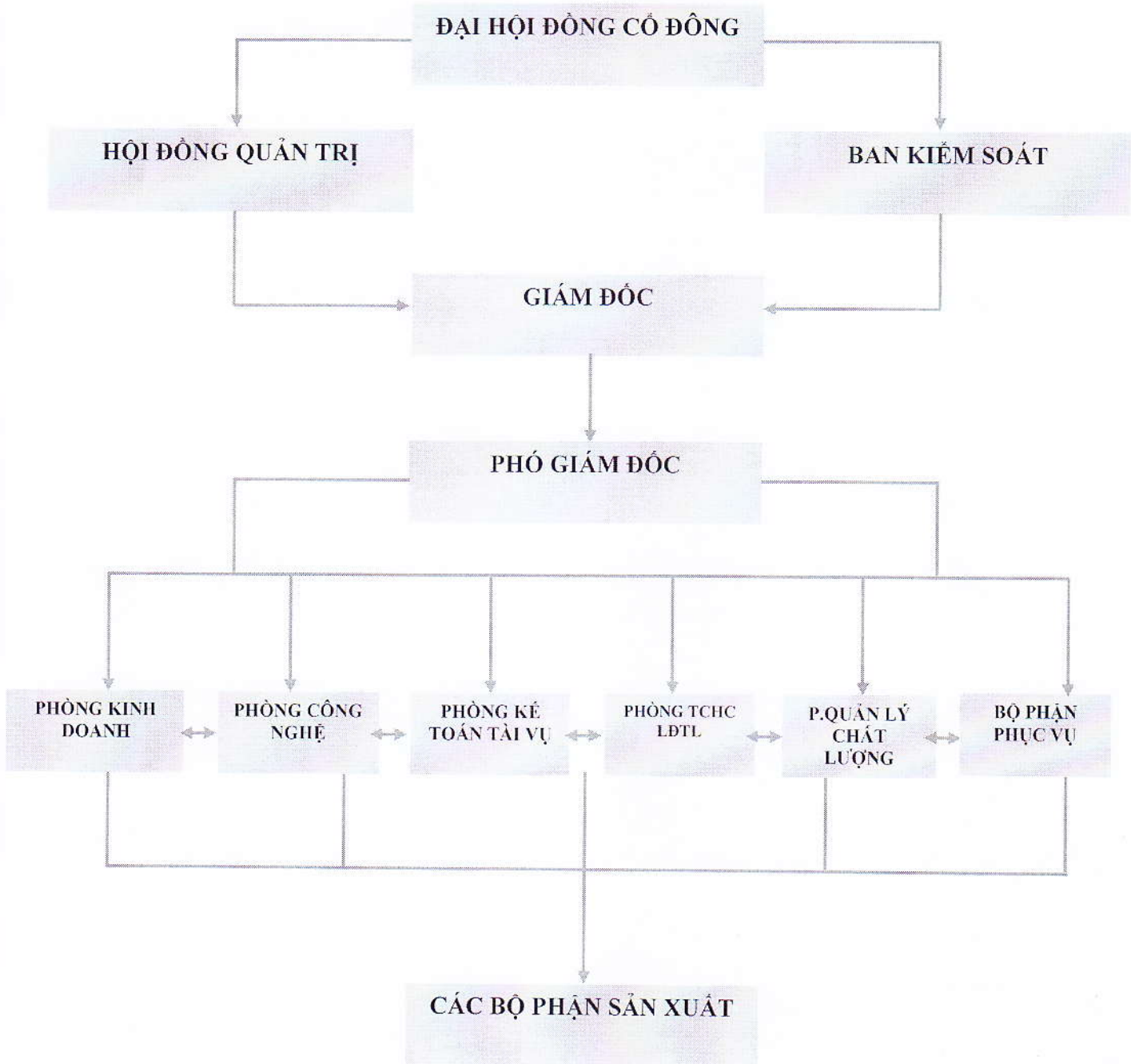


total revenue in the last 02 years). Gồm 2 cơ sở : Trụ sở chính (cơ sở I) 40 Tháp Đôi- phường Đống Đa – TP Qui Nhơn; Cơ sở II Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.
  - Cơ cấu bộ máy quản lý.

### Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



**GHI CHÚ:**

- QUAN HỆ CHỨC NĂNG TRỰC TUYẾN
- ↔ QUAN HỆ PHỐI HỢP

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*: ( Không có)

#### 4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.. Duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển và đạt hiệu quả cao; Doanh thu phấn đấu đạt 250 tỷ; Kim ngạch xuất khẩu đạt 9.000 USD; Lợi nhuận trước thuế đạt 4.450 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3.560 triệu đồng và tỷ lệ cổ tức đạt 12,60%.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*. Đầu tư thêm một số trang thiết bị mới phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất, thay thế dần những thiết bị cũ, lạc hậu không còn phù hợp với công nghệ sản xuất tiên tiến để thu hút được một số khách hàng mới có thương hiệu lớn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

Công ty luôn phấn đấu và thực hiện tốt công tác cải tạo và bảo vệ môi trường tại nơi làm việc và xung quanh khu vực sản xuất, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

Là Doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp, thị trường chính là Châu Âu, Mỹ, Nhật vẫn trong tình trạng chậm hồi phục. Tỷ giá đồng EURO so với USD liên tục giảm. Bên cạnh đó, việc Anh quyết định rút khỏi Liên minh Châu Âu làm giảm đáng kể sản lượng xuất khẩu của Công ty vào thị trường này. Các hiệp định thương mại VN- Liên minh Châu Âu, hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương được ngành Da- Giày kỳ vọng nhưng thực tế vẫn chưa phát huy được lợi thế của xuất khẩu Da Giày VN.

Yếu tố môi trường: Về thời tiết thay đổi bất lợi, mưa lũ kéo dài... tất cả đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./ *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Năm 2018 là năm việc sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thị trường không ổn định, một số khách hàng cũ từng làm việc thời gian lâu dài với Cty nay đã chấm dứt hoặc giảm sản lượng mua. Từ đó để có đơn hàng và duy trì SXKD, Cty đã phải tìm kiếm thêm một số khách hàng mới ( Khách hàng Nhật) có thương hiệu lớn nhưng công nghệ sản xuất rất phức tạp, quy trình sản xuất chưa ổn định.

-Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./ *Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	Cùng kỳ năm trước
1	Doanh thu	-	240.000	215.943	222.966
	Trong đó: KNXK( USD)	1.000USD	9.500	7.796	8.645
2	Sản phẩm chủ yếu:	Đôi	1.150.000	1.177.270	1.069.561
	Giày, Dép xuất khẩu các loại	-	1.050.000	1.021.206	877.170
	Giày, Dép nội địa	-	100.000	156.064	192.391

3	Tổng quỹ tiền lương	Tr đồng	76.000	83.682	70.629
4	Lao động bình quân	Người	1.400	1.398	1.360
5	Thu nhập bình quân	đ/ng/thg	5.200.000	5.285.000	4.800.000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	5.750	6.743	5.316
7	Lợi nhuận sau thuế	-	4.600	5.485	4.323
8	Nộp Ngân sách	-	2.900	2.369	3.238
	Trong đó: ThuếTNDN	-	1.150	1.192	1.570
9	Tỷ suất LNST/VLĐ	%	22,26	26,54	20,92
10	Tỷ lệ cổ tức	%	16,50	19,46	15,34

Từ những khó khăn đã nêu ở trên, mặc dù đơn vị đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ năm 2018 đã đề ra, tuy nhiên về chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt so với kế hoạch là: 89,98% và bằng: 96,85% so với cùng kỳ; trong đó KNXK chỉ đạt 82,06% so kế hoạch và bằng 90,18% so với cùng kỳ. Riêng chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu đạt 102,37% so kế hoạch và 100,07% so cùng kỳ; chỉ tiêu LNTT đạt và vượt so với kế hoạch là: 117,27% và 126,84% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân là do trong năm 2018 đơn vị đã mạnh dạn đầu tư và cải tiến một số trang thiết bị, đổi mới công nghệ để sản xuất cho những đơn hàng của một số khách hàng mới nên năng suất lao động cũng phần nào được cải thiện hơn.

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Số TT	Danh sách Ban điều hành	Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ô/ Trần Văn Khiêm TVHĐQT – Giám Đốc	23.400cp = 1,51%	
3	Bà/ Trần Thị Kim Vân TVHĐQT – Phó Giám Đốc	79.000cp = 5,10%	
3	Bà/ Phan Vân Quỳnh TVHĐQT – Phó Giám Đốc	19.000cp = 1,23%	
4	Bà/ Huỳnh Thị Thanh TVHĐQT – Kế toán trưởng	10.000cp = 0,64%	

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*). : ( Không có )

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

+ Số lượng cán bộ, nhân viên : 1.398 người

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty ưu tiên đối với con em hoặc người thân của người lao động đang công tác trong công ty khi có nhu cầu tuyển dụng.

- Đối với các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ công ty tuyển những người có trình độ phù hợp nhưng nhất định phải có trình độ từ cao đẳng trở lên.

- Các vị trí sản xuất công ty thực hiện tự tuyển và tự đào tạo là chủ yếu để bổ sung cho yêu cầu của sản xuất.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên

nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets. ( Không có).

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	112.274.240.842	137.821.121.612	122,75
Doanh thu thuần/Net revenue	222.966.054.255	215.943.333.135	96,85
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	4.229.789.337	5.731.349.119	135,50
Lợi nhuận khác/ Other profits	1.086.422.203	1.012.415.766	93,19
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	5.316.211.540	6.743.764.885	126,85
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	4.323.571.148	5.485.304.967	126,87
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	55%	55%	

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	1,34  0,92	1,30  0,79	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản(Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(Debt/Owners' Equity ratio)	0,63  1,73	0,68  2,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation			

<i>capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )	6,41	4,69	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	1,99	1,56	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,10	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,02	0,02	
.....			

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.**

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 1.550.000 CP; trong đó số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 1.550.000 Cổ phần.

- Cổ phần của các cổ đông là cá nhân ngoài Cty: 1.066.322 CP chiếm : 68,80%
- Cổ phần của CBCNV trong Cty : 483.678 CP chiếm : 31,20%

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders.*

Tổng số cổ đông là 166 người, trong đó:

- Cổ đông là cá nhân ngoài Cty = 46 người, chiếm : 27,70%
- Cổ đông là CBCNV trong Cty = 120 người, chiếm : 72,30%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc. (Không có)*

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society**

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

Bao gồm:

- Cao su các loại: 211.991 kg
- Vải các loại: 764.767 mét
- Da các loại: 448.479 pia
- Si Pu các loại: 38.596 mét
- Thùng Carton: 177.361 thùng
- Hộp đựng Giày : 630.643 cái

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization. ( Không có ).

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly. Điện: 2.145.924 Kwh /năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy. ( Không có ).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives. ( Không có ).

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty Cấp thoát nước Bình Định.
- Lượng nước sử dụng trong năm : 3.241,00 m<sup>3</sup>/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused: ( Không có ).

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. ( không có ).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. ( Không có ).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

- Số lượng Lao động: 1.398 người
- Mức lương trung bình: 5.285.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.: Thực hiện chính sách lao động theo đúng qui định của Bộ luật lao động và luật BHXH hiện hành đối với Người lao động. Về an toàn lao động thực hiện đúng nội quy lao động mà Công ty đã xây ban hành dựa trên các qui định về an toàn lao động. Về chế độ phúc lợi đối với người lao động thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể được ký kết giữa đại diện người lao động và người sử dụng lao động được sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh công nhận.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.:



\* Số giờ đào tạo trung bình trong năm đối với công nhân trực tiếp sản xuất là: 13.500 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Trong năm Công ty có tổ chức cho 30 cán bộ đầu ngành gồm: Đại diện Ban lãnh đạo, phòng Công nghệ, và phân xưởng sản xuất từ tổ trưởng trở lên đi học tập kinh nghiệm các đơn vị sản xuất cùng ngành về mô hình tổ chức sản xuất, cách quản lý, điều hành và phân phối tiền lương nhằm không ngừng cải tiến quy trình công nghệ, hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2018 là năm việc sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thị trường không ổn định, một số khách hàng cũ từng làm việc thời gian lâu dài với Cty nay đã chấm dứt hoặc giảm sản lượng mua. Từ đó để có đơn hàng và duy trì SXKD, Cty đã phải tìm kiếm thêm một số khách hàng mới ( Khách hàng Nhật) có thương hiệu lớn nhưng công nghệ sản xuất rất phức tạp, quy trình sản xuất chưa ổn định. Mặc dù đơn vị đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ năm 2018 đã đề ra, tuy nhiên về chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt so với kế hoạch là: 89,98% và bằng: 96,85% so với cùng kỳ; trong đó KNXK chỉ đạt 82,06% so kế hoạch và bằng 90,18% so với cùng kỳ. Riêng chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu đạt 102,37% so kế hoạch và 100,07% so cùng kỳ; chỉ tiêu LNTT đạt và vượt so với kế hoạch là: 117,27% và 126,84% so với cùng kỳ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements.*

Duy trì và phát triển hoạt động SXKD, sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm mới với thương hiệu lớn được khách hàng và thị trường chấp nhận. Thu nhập của người lao động được cải thiện. Tỷ lệ cổ tức đạt và vượt so với kế hoạch mà ĐHCĐ đặt ra, được cổ đông hài lòng tin tưởng.

#### 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

##### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Hiệu quả sử dụng tài sản chưa thật sự mang lại hiệu quả, chưa đạt yêu cầu đặt ra; Vòng quay của VLD trong năm chỉ đạt là 1,6 vòng/năm. Các khoản phải thu ngắn hạn là: 62.607.537.106 đồng, trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng: 61.021.120.727 là khoản nằm trong kế hoạch và hợp đồng đã cam kết, và Khách hàng đã thanh toán vào quý I/2019 không có khoản nợ phải thu xấu và tài sản xấu làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty./

##### b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Tổng nợ phải trả ( ngắn hạn ): 94.073.556.034 đồng; Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn: 22.756.039.758 đồng; Các khoản nợ trên theo hợp đồng Cty đã thanh toán cho khách hàng trong quý I/2019.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*: Không có phát sinh khoản nợ xấu phải trả.

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: 18.421.999 đồng, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay là : 982.428.827 đồng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.* Đã bố trí, sắp xếp lại một số phòng ban phân xưởng phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, thay đổi một số chính sách mới về thu nhập và tiền lương đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, cổ tức cho cổ đông.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

Tiếp tục xây dựng và mở rộng nhà xưởng sản xuất, trang bị thêm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, bổ sung thêm nguồn lực ở những khâu quan trọng, lựa chọn khách hàng lớn có nhiều tiềm năng, giữ vững được các khách hàng truyền thống uy tín với Công ty để mở rộng sản xuất và phát triển thị trường.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Review concerning corporate responsibility towards the local community*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Cán bộ lãnh đạo là những người có trình độ, gắn bó tâm huyết với công ty; Đội ngũ quản lý có đủ năng lực và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất giày, người lao động luôn đoàn kết, gắn bó tin tưởng tuyệt đối vào HĐQT và ban giám đốc tạo thành sức mạnh tổng hợp để duy trì và phát triển Công ty ngày một đi lên.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Đoàn kết; trong công việc có sự phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng. Mọi thành viên trong Ban giám đốc đều có ý thức trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách xuất sắc. Điều hành mọi hoạt động của Cty theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Về đầu tư: Đầu tư nâng cấp thiết bị máy móc phù hợp với công nghệ sản xuất (ước tính 6,2 tỷ đồng) bao gồm
  - Máy ép đế tự động 8 đầu Goldenfield – Taiwan: 87.500usd ≈ 2,056 tỷ đồng
  - Máy cắt tự động Emma – Trung Quốc: 78.000usd ≈ 1,805 tỷ đồng
  - Máy nén khí trục vít – 55 KW – Boge – Đức: 460 triệu
  - Hệ thống dầu truyền tải nhiệt – Việt nam liên doanh Nhật – Thổ Nhĩ Kỳ: 1,875 tỷ đồng
  - Máy bơm điện chữa PCCC : 40 triệu đồng
- Xây dựng mới, cải tạo lại nhà xưởng và các công trình phụ trợ (ước tính 7 tỷ đồng)
  - Mở rộng kho thành phẩm, ước: 1,3 tỷ đồng
  - Xây mới nhà vệ sinh cho khu vực Gò giày ước: 300 triệu đồng
  - Xây mới Canteen + di dời trụ điện, ước: 1,6 tỷ đồng
  - Mở rộng nhà Gò giày+ đóng trần+ di dời trụ điện ước: 2,1 tỷ đồng

- Chi phí di chuyển, lắp đặt thiết bị, dụng cụ sản xuất ước: 280 triệu đồng
- Bê tông hóa một số đoạn đường nội bộ trong cơ sở II, ước: 360 triệu đồng
- thay tole bổ sung kho vật tư + đóng trần giảm nhiệt ước: 560 triệu đồng
- Sơn tường chống mốc trong – ngoài các phân xưởng thuộc cơ sở II ước: 400 triệu đồng
- Cài tạo bó vỉa cây xanh thuộc khuôn viên cơ sở II ước: 100 triệu đồng

- Về nguồn nhân lực :

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng nước ngoài và phát triển thị trường xuất khẩu. Chú trọng đầu tư và có chính sách hợp lý để sản xuất hàng nội địa, nhằm khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có trong những thời điểm trái vụ, tận dụng vật tư thừa sản xuất để xuất hàng nội địa.

- Sắp xếp tinh giản bộ máy quản lý đi đôi với tuyển dụng – đào tạo lại nhân sự nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc trong giai đoạn mới. Từng bước hoàn thiện việc áp dụng tin học vào hệ thống quản lý doanh nghiệp.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

**1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Số TT	Danh sách thành viên HĐQT	Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ô/ Phạm Văn Quân CT HĐQT – Cổ đông ngoài Cty	767.388cp= 49,51%	
2	Ô/ Võ Ngọc Thủy PCT- HĐQT	79.700cp = 5,14%	
3	Ô/ Trần Văn Khiêm TV HĐQT – Phó Giám Đốc	23.400cp = 1,51%	
4	Bà /Trần Thị Kim Vân TV HĐQT – Phó Giám Đốc	79.000cp = 5,10%	
5	Bà / Phan Văn Quỳnh TV HĐQT – Phó Giám Đốc	19.000cp = 1,23%	
5	Bà/ Huỳnh Thị Thanh –TV HĐQT – Ktoán trưởng Cty	10.000cp= 0,64%	
6	Ô/ Nguyễn Đăng Dân - TV HĐQT	7.100cp= 0,46%	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình các thành viên trong HĐQT đã làm việc một cách công tâm, nhiệt tình và trách nhiệm. Kết quả hoạt động của HĐQT luôn được toàn thể cổ đông tin tưởng, hài lòng và đánh giá cao.

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà xưởng trong năm theo các danh mục và kế hoạch mà Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua gồm:

- Tổng vốn đầu tư thực hiện: 2,038 tỷ / 2,600 tỷ ( KH) = 78,39%. Trong đó:

+ Máy móc thiết bị: 1,856 tỷ/ 2,00 tỷ (KH) = 92,82%

+ Nhà xưởng, công trình phụ: 182 triệu đồng/ 600 triệu ( KH) = 30,30%

HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ 01 quý / lần, ngoài ra còn tổ chức một số phiên họp đột xuất để xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

**Nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

Ngày 12/2/2018:

HĐQT họp mở rộng ( có mời thêm lãnh đạo các phòng, ban, phân xưởng trong toàn Cty ) để thông báo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017; Xác định nguyên nhân và những yếu tố làm ảnh hưởng đến việc không hoàn thành một số chỉ tiêu theo nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2017 đã biểu quyết thông qua. Từ đó để có dự kiến kế hoạch cho cả năm 2018.

Ngày 22/4/2018:

Cuộc họp thông qua số liệu chính thức tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017 ( số liệu đã được Cty Kiểm toán & Kế Toán AAC xác nhận); Thông qua kết quả đầu tư năm 2017 theo nghị quyết của ĐHCĐ. Dự kiến

các chỉ tiêu SXKD cho kế hoạch năm 2018, và kế hoạch đầu tư năm 2018; Thông qua một số nội dung đề trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, và thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.

Ngày 19/5/2018:

Cuộc họp được tổ chức ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên kết thúc để thống nhất thông qua và triển khai một số công việc: Hoàn thiện để ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty, Quy chế nội bộ và quản trị Cty; Lựa chọn Cty Kiểm toán độc lập (Cty Kiểm toán & Kế Toán AAC Đà Nẵng) để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018; Điều chỉnh phương án, đơn giá tiền lương áp dụng trong năm 2018 và xem xét phương án nhân sự, sắp xếp lại bộ máy quản lý trong toàn Cty; Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Bình Định

Ngày 12/6/2018:

Cuộc họp tiến hành rà soát lại năng lực sản xuất để chỉ đạo việc nhận đơn hàng, lựa chọn khách hàng cho 6 tháng cuối năm; Thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2017 theo tỉ lệ mà ĐHĐCĐ tán thành và phương thức thực hiện; Thống nhất số tiền thưởng và hệ số áp dụng cho ban quản lý điều hành, các thành viên HĐQT, ban kiểm soát. Xem xét việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự ở một số phòng ban chức năng.

Ngoài ra cuộc họp còn xem xét để thông qua một số hợp đồng giao dịch và thỏa thuận với cá nhân Ông: Phạm Văn Quân, các công ty và những người có liên quan với chủ tịch HĐQT.

Ngày 25/10/2018:

Cuộc họp thông qua số liệu sản xuất 9 tháng đầu năm 2018, rà soát các đơn hàng đã nhận và điều kiện để tiến hành tổ chức sản xuất trong quý IV/2018; Xem xét việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị trong năm; Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ( VCB ) CN – Bình Định và Ngân hàng Phương Đông (OCB) CN Trung Việt – Đà Nẵng.

Ngày 14/12/2018:

Cuộc họp thông qua số liệu sản xuất 11 tháng /2018; Rà soát các đơn hàng còn lại phải sản xuất trong tháng 12/2018, tháng 01/2019 và kế hoạch giao hàng trước Tết Âm lịch 2019; Dự kiến thực hiện cho cả năm 2018; Thông báo tình hình ký kết hợp đồng tín dụng và đã thực hiện vay vốn với các Ngân hàng; Dự kiến số lượng, chủng loại sản phẩm và khách hàng để xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 và chủ trương thanh lý một số thiết bị cũ kỹ, lạc hậu sử dụng không hiệu quả.

#### Các quyết định, Nghị quyết đã ban hành:

##### Các quyết định:

- Quyết định ngày 25/5/2018 về việc giao quỹ lương và đơn giá tiền lương năm 2018.
- Quyết định số 01,02,03/ QĐ- HĐQT ngày 25/6/2018 về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý.
- Quyết định số 04/ QĐ- HĐQT ngày 25/6/2018 về việc sắp xếp lại cán bộ quản lý.
- Quyết định số 22/QĐ- HĐQT ngày 06/7/2018 về việc chi trả cổ tức năm 2017.

##### Các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 14b ngày 23/5/2018 về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển VN (BIDV) – CN Bình Định.
- Nghị quyết số 34 ngày 25/10/2018 về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Bình Định.
- Nghị quyết số 36 ngày 12/11/2018 về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) CN Trung Việt Đà Nẵng.

Ngoài ra HĐQT còn xem xét và phê duyệt Tờ trình ngày 28/4/2018 về việc điều chỉnh đơn giá tiền lương áp dụng theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với Người lao động.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.* ( Chưa có ).

## **2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Số TT	Danh sách Ban Kiểm soát	Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Bà : Huỳnh Thị Thu Hằng : Trưởng ban	17.100 cp = 1,10%	

2	Bà : Phạm Thị Kiều : Thành viên	3.000 cp = 0,19%	
3	Ông : Bùi Đại Lý : Thành viên	3.000 cp = 0,19%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động Cty cổ phần Giày Bình Định, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên hoạt động một cách tích cực và hiệu quả ở từng vị trí đã được phân công. Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty đã được Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát thường xuyên nếu có phát hiện vướng mắc gì kịp thời phản ảnh ngay cho HĐQT xem xét.

Định kỳ 3 tháng Ban Kiểm soát họp một lần, nội dung xoay quanh những công việc đã được phân công vừa rút kinh nghiệm, vừa đưa ra những kiến nghị giúp HĐQT trong việc thực hiện quá trình sản xuất cũng như công tác quản lý được chặt chẽ hơn, đồng thời xem xét các báo cáo tài chính hàng quý của Giám đốc Cty có gì vướng mắc thì người có trách nhiệm chuyên môn giải thích ngay. Từ những việc làm trên đã tạo sự tin tưởng cho các cổ đông trong và ngoài Cty.

Hàng năm làm báo cáo trình ĐHCĐ về những kết quả đã làm được trong năm, đồng thời kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo tài chính năm đã được Cty kiểm toán độc lập thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*:(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Lương, thưởng của các thành viên HĐQT, ban kiểm soát đang công tác tại Cty thì được trả lương khoán theo tính chất công việc ( Theo quy chế trả lương, thưởng của Cty do HĐQT ban hành ), Ngoài ra tất cả các thành viên HĐQT, ban Kiểm soát còn được hưởng thù lao hàng tháng theo nghị quyết của ĐHCĐ ; Cụ thể :

Đơn vị tính : Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương hàng tháng	Mức thù lao hàng tháng	Ghi chú
1	Ô/ Phạm Văn Quân	C.Tịch HĐQT	—	9.000.000	Cổ đông ngoài Cty
2	Ô/ Võ Ngọc Thủy	Phó.CT HĐQT	10.500.000	6.000.000	
3	Ô/ Trần Văn Khiêm	TV HĐQT-Giám Đốc Cty	12.700.000	2.000.000	
4	Bà /Trần Thị Kim Vân	TV Cơ quan TT HĐQT- Phó Giám Đốc Cty	9.700.000	4.000.000	
5	Bà/ Phan Văn Quỳnh	TV HĐQT-Phó Giám Đốc Cty	9.700.000	2.000.000	
5	Bà/ Huỳnh Thị Thanh	TV HĐQT-Ktoán trưởng Cty	9.700.000	2.000.000	
7	Ô/ Nguyễn Đăng Dân	TV HĐQT	6.700.000	2.000.000	
7	Bà/ Huỳnh Thị Thu Hằng	Trưởng ban Ksốt	5.000.000	2.000.000	
8	Bà/ Phạm Thị Kiều	TV ban Ksốt	5.000.000	1.000.000	
10	Ô/ Bùi Đại lý	TV ban Ksốt	5.000.000	1.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share*

transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internalshareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights. ( Không có)*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).*

## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financialstatements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; FinancialStatements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or generalFinancial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the FinancialStatements presented in the Annual Reports shall be the consolidated FinancialStatements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

## **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



*Trần Văn Khiêm*